

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2217**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất dự án khai thác Mỏ Bauxít Nhân Cơ – Đắk Nông (khai trường năm thứ nhất và khai trường năm thứ hai) của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 517/TTr-STNMT ngày 28/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương - Dự toán công trình xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất dự án khai thác Mỏ Bauxít Nhân Cơ – Đắk Nông (khai trường năm thứ nhất và khai trường năm thứ hai) của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV, với các nội dung sau đây:

1. Tên Dự án: Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất Dự án khai thác Mỏ Bauxít Nhân Cơ – Đắk Nông (khai trường năm thứ nhất và khai trường năm thứ hai) của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV.

2. Địa điểm tại các xã: Đắk Wer, Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp.

3. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Mục đích:

- Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất dự án khai thác Mỏ Bauxít Nhân Cơ – Đắk Nông (khai trường năm thứ nhất và khai trường năm thứ hai) của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật.



- Tạo điều kiện để người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước về đất đai, công khai minh bạch về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất với Nhà nước; đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả tài nguyên đất đai.

5. Nhiệm vụ thực hiện:

- Thu thập, rà soát, tổng hợp các thông tin chung tại khu vực có thửa đất cần định giá;

- Điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường chuyển nhượng trong khoảng 2 năm trở lại đây;

- Áp dụng phương pháp định giá đất để xác định giá đất;

- Xây dựng Chứng thư định giá đất, phương án giá đất và báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất;

- Hoàn thiện dự thảo phương án giá đất, trình thẩm định phê duyệt giá đất theo quy định.

6. Khối lượng công việc:

- Điều tra, khảo sát tổng thể khu đất cần định giá: 01 điểm.

- Điều tra, thu thập thông tin thị trường: 05 thửa.


7. Dự toán kinh phí: 140.211.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu hai trăm mười một ngàn đồng chẵn*).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

8. Nguồn vốn thực hiện: Kinh phí năm 2018 đã giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nội dung tại Điều 1 Quyết định này; tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk R'lấp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.* 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN(Th).

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN
Công trình xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định đơn giá thuê đất
dự án khai thác mỏ Bau Xít Nhân Cơ – Đắk Nông (khai trường năm thứ
nhất và khai trường năm thứ hai) của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV
(Kèm theo Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của
Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Mục	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	Chi phí trong đơn giá	127.464.790	I = 1+2
1	Chi phí trực tiếp	109.552.263	1=a+b+c+d
a	Chi phí nhân công	108.202.777	
	Nội nghiệp	78.834.005	
	Ngoại nghiệp	29.368.772	
b	Chi phí vật liệu	859.570	
	Nội nghiệp	685.013	
	Ngoại nghiệp	174.558	
c	Chi phí công cụ, dụng cụ	332.044	
	Nội nghiệp	281.614	
	Ngoại nghiệp	50.430	
d	Chi phí năng lượng, khấu hao thiết bị	157.871	
	Nội nghiệp	157.871	
	Ngoại nghiệp	0	
2	Chi phí chung	17.912.527	
	Nội nghiệp	11.993.775	15%
	Ngoại nghiệp	5.918.752	20%
II	Thuế VAT	12.746.790	II = I*10%
III	Tổng (làm tròn)	140.211.000	III = I+ II

neu